

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày: 10/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Liên và bà Cấn Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS, ngày 06/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 17/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952 và bà Đinh Thị C, sinh năm 1951; bị cáo có vợ: Ninh Hoàng M, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/9/2024 đến ngày 04/10/2024 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đỗ Ngọc N, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Lê Thị P, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Trần Đức L1, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

6. Anh Trần Đình T1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2023, Nguyễn Văn D thực hiện hoạt động cho vay lấy lãi suất cao. Khi có người vay, D cho vay với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Kỳ hạn trả góp thường là 20 ngày, 21 ngày hoặc 30 ngày. Quá trình vay, nếu người vay muốn vay thêm lần thứ hai thì phải thanh toán xong lần trước đó. Hình thức cho vay gồm có 2 loại, vay đứng và vay góp:

Vay đứng là người vay phải trả tiền lãi theo kỳ hạn hoặc trả cả tiền lãi và tiền gốc vào cuối kỳ vay, vay theo ngày với lãi suất từ 3.000 đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất từ 109,5% đến 365%/năm. Người vay sẽ thanh toán định kỳ 10 ngày một lần và trong 20 ngày hoặc 01 tháng sẽ trả cả gốc và lãi.

Vay góp là hình thức cộng chung tiền gốc và tiền lãi trong cả gói vay và chia cho số ngày vay để người vay trả đều trong cả kỳ vay, lãi suất là 243,3% đến 451,9%/năm, người vay sau khi nhận được tiền thì ngày tiếp theo phải đóng tiền góp (tiền gốc và lãi chia đều) cho D trong thời gian 21 ngày hoặc 30 ngày. Trong thời gian trả góp, nếu người vay có nhu cầu vay mới thì D đồng ý cho vay khoản vay mới, số tiền nhận được là số tiền góp vay mới – (số tiền 03 ngày góp + phí hồ sơ + số tiền góp nợ của khoản vay trước). Nếu trả tiền không đầy đủ thì D còn thu thêm chi phí phạt góp.

Trong khoảng thời gian từ giữa năm 2023 đến khi bị phát hiện, D sử dụng số tiền 400.000.000 đồng cho 04 người vay với lãi suất từ 243,3%/năm đến 451,9%/năm, cao gấp 12,165 lần đến 22,595 lần của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 145.573.506 đồng từ các giao dịch vay, cụ thể như sau:

1. *Giao dịch với anh Vũ Văn Đ:* Ngày 26/3/2024, anh Đ vay đứng của D số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn là 20 ngày, lãi suất tương đương 365%/năm. Cứ 10 ngày, anh Đ trả lãi số tiền 3.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng N2 (A1) 5305205156150 đến tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B) 6350931240 của D. Từ ngày 26/3/2024 đến ngày 18/8/2024, số tiền lãi D dự kiến thu của anh Đ là 54.000.000 đồng, anh Đ đã trả cho D số tiền lãi là 35.000.000 đồng. Đối với giao dịch này, anh Đ chưa trả tiền gốc cho D. Số tiền lãi theo đúng quy định của

pháp luật của khoản vay là 2.598.900 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 35.000.000 đồng – 2.598.900 đồng = 32.401.100 đồng (*Ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm đồng*).

2. *Giao dịch với chị Đỗ Ngọc N*: Chị N vay góp của D 05 lượt vay với tổng số tiền 45.000.000 đồng (mỗi lượt vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng), thời hạn góp 21 ngày, lãi suất tương đương 451,9%/ năm, các lần vay D trừ trước 10% tiền phí cho vay và cắt trước 03 ngày tiền góp. D chuyển từ Ngân hàng B đến tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần A (A2) 23497217 của chị N. Tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày 09/7/2024, chị N đã thanh toán cho D số tiền lãi và tiền phí góp là: 21.571.429 đồng. Chị N đã trả đủ tiền gốc 04 lượt vay của số tiền 40.000.000 đồng và góp 06 ngày của lượt vay cuối, chị N chưa trả cho D số tiền gốc 3.571.425 đồng. Số tiền lãi theo đúng quy định của pháp luật của các kỳ vay là 476.712 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 10.771.429 đồng – 476.712 đồng = 10.294.717 đồng cùng số tiền phí hồ sơ là 4.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D thu được của chị N là 14.794.717 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm mười bảy đồng*).

3. *Giao dịch với chị Nguyễn Thị Thanh T*: Chị T vay góp của D 17 lượt vay với tổng số tiền 145.000.000 đồng (mỗi lần vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng), thời hạn vay 21 ngày, lãi suất tương đương 451,9%/năm, các lần vay D trừ trước 10% tiền phí cho vay và cắt trước 03 ngày tiền góp. Tính từ ngày 19/5/2024 đến ngày 22/9/2024, chị T đã trả cho D số tiền lãi 34.357.143 đồng và tiền phí hồ sơ là 14.500.000 đồng. Chị T đã trả đủ số tiền gốc và lãi 16 lượt vay của số tiền 130.000.000 đồng và góp 03 ngày của lượt vay cuối, chị T chưa trả cho D số tiền gốc 12.857.143 đồng. Số tiền lãi theo đúng quy định của pháp luật của các kỳ vay là 1.520.547 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 34.357.143 đồng – 1.520.547 đồng = 32.836.594 đồng cùng số tiền phí hồ sơ là 14.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D thu được của chị T là 47.336.594 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*).

4. *Giao dịch với chị Lê Thị P*: Chị P vay góp của D 16 lượt vay với tổng số tiền 180.000.000 đồng (mỗi lần vay số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng), thời hạn vay 30 ngày, lãi suất tương đương 243,3%/ năm, các lần vay D trừ trước 10% tiền phí cho vay và cắt trước 03 ngày tiền góp. Từ ngày 06/3/2024 đến ngày 10/9/2024, chị P đã trả cho D số tiền lãi 36.000.000 đồng và tiền phí hồ sơ là 18.000.000 đồng. Chị P đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với D. Số tiền lãi theo đúng quy định của pháp luật của các kỳ vay là 2.958.904 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 36.000.000 đồng – 2.958.904 đồng = 33.041.096 đồng cùng số tiền phí hồ sơ là 18.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D thu được của chị P là 51.041.095 đồng (*Năm mươi một triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-ĐS ngày 05 tháng 3 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 3; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 13 PRO 5G màu xanh, số sê ri 52831EEC của Nguyễn Văn D.

Trả lại cho Nguyễn Văn D 01 thẻ Ngân hàng TMCP Đ1 số 9704187328012182687, 01 thẻ Ngân hàng TMCP V số 4541190115814102 và 01 thẻ Ngân hàng TMCP C4 số 9704150260240257, cùng mang tên Nguyễn Văn D.

Trả lại cho Nguyễn Văn D 01 căn cước công dân số 066085007308 mang tên Nguyễn Văn D, ngày sinh 20/9/1985, cấp ngày 12/8/2021.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại cho chị Đỗ Thị Ngọc N 01 căn cước công dân số 096300006534 mang tên Đỗ Ngọc N, ngày sinh 02/9/2000, cấp ngày 29/11/2023; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T 01 căn cước công dân số 067191005067 mang tên Nguyễn Thị Thanh T, ngày sinh 18/9/1991, cấp ngày 28/6/2021.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra quyết định tách các tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của bị cáo Nguyễn Văn D 361.126.495 đồng (*Ba trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng*)

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ anh Vũ Văn Đ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ chị Nguyễn Thị Thanh T 12.857.143 đồng (*Mười hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng*).

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ chị Đỗ Thị Ngọc N 3.571.425 đồng (*Ba triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Về phần trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Ngọc N, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Lê Thị P và anh Vũ Văn Đ không yêu cầu Nguyễn Văn D trả lại số tiền thu lợi bất chính nên không đặt vấn đề giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Văn D đã sử dụng số tiền 400.000.000 đồng cho 04 người vay với lãi suất từ 243,3%/năm đến 451,9%/năm, cao gấp 12,165 lần đến 22,595 lần của mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền 163.858.512 đồng, đã thu lợi được số tiền bất chính là 145.573.506 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm linh sáu đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 2 Điều 201 BLHS quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. ...”

[3]. Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo cho 4 người vay với số tiền thu lợi bất chính 145.573.506 đồng, trong đó có 3 người vay bị cáo thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng nên bị cáo chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này qua các biên bản xác minh về tài sản thể hiện bị cáo Nguyễn Văn D có tài sản để đảm bảo nghĩa vụ về tài sản. Do đó, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo sẽ đảm bảo tính thi hành bản án đồng thời có tác dụng, hiệu quả hơn và bảo đảm tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7]. Về các biện pháp tư pháp:

[7.1]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 13 PRO 5G màu xanh, số sê ri 52831EEC của Nguyễn Văn D là điện thoại dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 căn cước công dân số 066085007308 mang tên Nguyễn Văn D, ngày sinh 20/9/1985, cấp ngày 12/8/2021; 01 thẻ Ngân hàng Đ1 số 9704187328012182687, 01 thẻ Ngân hàng TMCP V số 4541190115814102, 01 thẻ Ngân hàng TMCP C4 số 9704150260240257, cùng mang tên Nguyễn Văn D cần trả lại cho Nguyễn Văn D.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại cho chị Đỗ Thị Ngọc N 01 căn cước công dân số 096300006534 mang tên Đỗ Ngọc N, ngày sinh 02/9/2000, cấp ngày 29/11/2023; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T 01 căn cước công dân số 067191005067 mang tên Nguyễn Thị Thanh T, ngày sinh 18/9/1991, cấp ngày 28/6/2021 là các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với các tài liệu khác đã thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra nhưng chưa có kết quả nên chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra quyết định tách các tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với 353.571.432 đồng tiền gốc mà Nguyễn Văn D đã thu hồi từ người vay và 7.555.063 đồng tiền lãi Nguyễn Văn D đã nhận được tương đương lãi suất 20%/năm. Đây là số tiền Nguyễn Văn D sử dụng vào việc phạm tội và có được từ việc phạm tội nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 30.000.000 đồng của Vũ Văn Đ; 12.857.143 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh T và 3.571.425 đồng của chị Đỗ Ngọc N. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội mà những người vay chưa trả cho bị cáo nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền trên từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7.2]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi đã thu nên không xem xét giải quyết.

[8]. Trong vụ án còn có những vấn đề sau:

Đối với đối tượng Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Trung N1 có hành vi giúp Nguyễn Văn D kiếm người có nhu cầu vay, liên lạc trao đổi về hình thức vay, giữ giấy tờ tùy thân của người vay, được D trả công từ phần tiền lãi thu lợi bất chính, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra nhưng chưa có kết quả nên ra quyết định tách hành vi của đối tượng Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Trung N1, tiếp tục điều tra xử lý khi có căn cứ là đúng.

Đối với ông Trần Việt C2, bà Đoàn Thu H, bà Nguyễn Thị Thùy T2, bà H1, bà Nguyễn Thị Ngọc C3, ông Đào Văn Đông Q, ông Nguyễn Minh T3, bà Hồ Thị Bạch Tuyết, bà Đinh Thị Quỳnh A đã vay tiền của Nguyễn Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra nhưng chưa có kết quả nên ra quyết định tách hành vi cùng tài liệu liên quan đến việc vay tiền của những người này, tiếp tục điều tra xử lý sau khi có căn cứ.

Đối với anh Trần Đình T1 và anh Trần Đức L1, quá trình điều tra không có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn D cho anh T1 và anh L1 vay với lãi suất cao nên không đặt vấn đề giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[11]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Khoản tiền phạt được nộp một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về các biện pháp tư pháp:

2.1. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 13 PRO 5G màu xanh, số sê ri 52831EEC của Nguyễn Văn D.

Trả lại cho Nguyễn Văn D 01 thẻ Ngân hàng TMCP Đ1 số 9704187328012182687, 01 thẻ Ngân hàng TMCP V số 4541190115814102 và 01 thẻ Ngân hàng TMCP C4 số 9704150260240257, cùng mang tên Nguyễn Văn D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông)

Trả lại cho Nguyễn Văn D 01 căn cước công dân số 066085007308 mang tên Nguyễn Văn D, ngày sinh 20/9/1985, cấp ngày 12/8/2021.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại cho chị Đỗ Thị Ngọc N 01 căn cước công dân số 096300006534 mang tên Đỗ Ngọc N, ngày sinh 02/9/2000, cấp ngày 29/11/2023; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T 01 căn cước công dân số 067191005067 mang tên Nguyễn Thị Thanh T, ngày sinh 18/9/1991, cấp ngày 28/6/2021.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định tách các tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của bị cáo Nguyễn Văn D 361.126.495 đồng (*Ba trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng*).

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ anh Vũ Văn Đ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ chị Nguyễn Thị Thanh T 12.857.143 đồng (*Mười hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng*).

Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước từ chị Đỗ Thị Ngọc N 3.571.425 đồng (*Ba triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

2.2. *Về trách nhiệm dân sự*: Chị Đỗ Ngọc N, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Lê Thị P và anh Vũ Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Bị cáo, người CQ, NVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Thị Thanh Tâm